

Bản án số: 68/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2026

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình K - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐ-ST ngày 22 tháng 4 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Đăng K, sinh ngày 23/12/1988; Căn cước công dân số: 030088019711; Nơi ĐKKHKT: Thôn Xuân N, xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị D, sinh ngày 25/6/1988; Căn cước công dân số: 030188021412; Nơi ĐKKHKT: Thôn Xuân N, xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng; Hiện đang cư trú tại Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn P, sinh ngày 10/3/1956; Căn cước công dân số 030056000587; Nơi cư trú: Thôn Xuân N, xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh K, chị D, ông Phục)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Phạm Đình K trình bày: Anh và chị Phạm Thị D tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ cũ nay là xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 26/11/2009. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc đến năm

2016 chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, năm 2018 anh K đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu anh và chị D vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng từ năm 2019 đến nay giữa anh và chị đã không còn liên lạc, không quan tâm gì tới nhau. Hiện nay chị D vẫn đang lao động tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể của chị D ở đâu anh và gia đình chị D đều không biết. Chị D chỉ liên lạc về nhà qua bố mẹ chị D là ông Phạm Văn Đoàn và bà Bùi Thị Liên và bố chồng là ông Phạm Văn P để hỏi thăm tình hình học tập và cuộc sống của các con. Do vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau, anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, hôn nhân không còn hạnh phúc, anh làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh và chị D có hai con chung là Phạm Ngọc L, sinh ngày 04/10/2010, và Phạm Ngọc Q, sinh ngày 14/06/2015. Hiện cháu Quý đang sinh sống cùng anh và ông nội là Phạm Văn P, thời gian anh và chị D không có ở Việt Nam ông Phục là người giúp anh chăm sóc, nuôi dưỡng hai con của anh và chị D. Cháu Lâm hiện đang theo học bán trú tại Trường phổ thông IVS tại Bắc Ninh do chị D là người ký hợp đồng với nhà trường. Nay vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Quý, cháu Lâm có nguyện vọng ở với chị D anh đồng ý. Anh ủy quyền cho ông Phạm Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quý, cháu Lâm trong thời gian anh và chị D vắng mặt tại Việt Nam.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Bùi Thị Liên trình bày: Chị D là con gái bà. Năm 2009 chị D và anh K kết hôn với nhau, việc kết hôn của anh chị là tự nguyện, được UBND xã Hưng Đạo cũ nay là xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại xã Hưng Đạo. Cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc đến năm 2016 chị D đi lao động tại Đài Loan. Sau khi chị D đi được thời gian ngắn thì anh K đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu anh K anh vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm sức khỏe gia đình bố mẹ vợ nhưng khoảng 02 năm gần lại đây anh K cũng không liên lạc hay hỏi han gì bên nhà vợ. Tết năm 2026 anh K về Việt Nam nhưng anh K không qua lại nhà bà chúc tết mà còn có thái độ coi thường gia đình nhà vợ. Thời gian anh K, chị D lao động tại Đài Loan mâu thuẫn vợ chồng anh chị thế nào bà không biết. Hiện nay chị D vẫn đang lao động tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể của chị D ở đâu bà không biết nhưng thỉnh thoảng chị D vẫn liên lạc về cho bà. Nay anh K có đơn xin ly hôn chị D theo quan điểm của bà việc ly hôn là do anh K, chị D tự quyết định bà không can thiệp. Chị D đã biết việc anh K làm đơn xin ly hôn nhưng chị không có ý kiến gì, để anh K tự giải quyết. Anh K, chị D có hai con chung là Phạm Ngọc L, sinh ngày 04/10/2010 và Phạm Ngọc Q, sinh ngày 14/06/2015. Hiện nay cháu Lâm đang học nội trú tại Trường phổ thông IVS Bắc Ninh, cháu Quý đang ở với ông Phục. Theo

nguyện vọng cháu Quý muốn ở với anh K, cháu Lâm muốn ở với chị D bà không có ý kiến gì, chị D cũng đồng ý. Vì cháu Lâm học nội trú tại trường 3 năm (hết năm lớp 12) không cần ai chăm sóc nuôi dưỡng. Khi nào nhà trường cho về chơi thì ông nội cháu (ông Phục) hoặc bà đến ký với nhà trường mới đón cháu về chơi được. Khi đó ai đón cháu về thì phải có trách nhiệm trông nom cháu. Trong thời gian chị D không có ở Việt Nam.

Tại lời khai của ông Phạm Văn P trình bày: Ông là bố đẻ của anh K. Năm 2009 anh K, chị D kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn anh chị sống với nhau tại quê Hưng Đạo cũ. Năm 2016 chị D đi lao động tại Đài Loan, năm 2018 anh K đi lao động Đài Loan. Thời gian đầu anh chị vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông vì cả hai con của anh chị do ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Khoảng vài năm gần lại đây chị D ít liên lạc về cho ông, nếu có gọi chỉ hỏi thăm tình hình học tập của các con. Anh K, chị D mâu thuẫn một phần do cách dạy con cái của anh chị. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh K về Việt Nam và làm đơn xin ly hôn chị D. Theo quan điểm của ông nếu vợ chồng không còn tình cảm với nhau thì giải quyết cho dứt điểm để anh chị sớm ổn định cuộc sống. Hiện tại chị D vẫn đang ở Đài Loan, địa chỉ cụ thể của chị D ở đâu ông không biết. Sau khi Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của anh K, ông có liên lạc với chị D, chị D không có ý kiến gì về việc anh K làm đơn xin ly hôn, chị D có nguyện vọng muốn nuôi một con, cháu nào ở với chị, chị cũng nuôi. Anh K, chị D có hai con chung là Phạm Ngọc L, sinh ngày 04/10/2010, và Phạm Ngọc Q, sinh ngày 14/06/2015. Trong thời gian anh chị đi Đài Loan cả hai con của anh chị do ông chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay cháu Lâm đang đi học lớp 10 nội trú tại trường Phổ thông trung học ở Bắc Ninh (học 03 năm cấp 3), cháu Lâm có nguyện vọng ở với chị D, cháu Quý đang ở với anh K và ông. Nay ông đồng ý ủy quyền của anh K trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quý trong thời gian anh K không có mặt tại Việt Nam và nhận ủy quyền chăm sóc cháu Lâm khi nhà trường cho cháu Lâm về chơi. Ông không có yêu cầu gì từ anh K, chị D.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã Đại Sơn thể hiện: Anh K, chị D đều có hộ khẩu tại địa phương. Năm 2009 anh K, chị D kết hôn với nhau, việc kết hôn của anh chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ cũ vào ngày 26/11/2009. Sau khi kết hôn anh chị sống vui vẻ hạnh phúc được một thời gian cả anh và chị đều đi lao động tại Đài Loan. Tại thời điểm xác minh anh K đã về Việt Nam và đang có mặt tại địa phương, chị D vẫn đang lao động tại Đài Loan. Do anh chị không có mặt tại địa phương nên mâu thuẫn vợ chồng anh chị cụ thể thế nào địa phương không nắm được. Nay anh K có đơn xin ly hôn chị D, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có hai con chung là Phạm Ngọc L, sinh ngày 04/10/2010, và Phạm Ngọc Q, sinh ngày

14/06/2015. Trong thời gian anh chị không có ở địa phương cả hai cháu ở với ông Phục. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật và đảm bảo cuộc sống của các cháu.

Tại phiên tòa anh K, ông Phục có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Phạm Đăng K được ly hôn chị Phạm Thị D. Về con chung: Giao con chung Phạm Ngọc Q, sinh ngày 14/06/2015 cho anh K nuôi dưỡng; giao con Phạm Ngọc L, sinh ngày 04/10/2010 cho chị D nuôi dưỡng. Anh K, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao cho ông Phạm Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm, cháu Quý trong thời gian anh K, chị D không ở Việt Nam. Anh K, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Đăng K và bị đơn chị Phạm Thị D đều có hộ khẩu thường trú tại xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo văn bản trả lời của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng xác định chị Phạm Thị D đã xuất cảnh gần đây nhất ngày 25/3/2026, chưa có thông tin nhập cảnh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K đã có mặt tại Tòa án, anh có bản tự khai, lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa (ngày 02/3/2026 anh K xuất cảnh). Anh K đã ủy quyền cho ông Phạm Văn P chăm sóc nuôi dưỡng hai con của anh K, chị D trong thời gian anh chị không có mặt tại Việt Nam nên Tòa án xác định ông Phục là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình

giải quyết vụ án, Tòa án đã đề nghị gia đình chị D cung cấp địa chỉ của chị D, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình chị D xác định, chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Bà Bùi Thị Liên là mẹ đẻ của chị D đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị D biết về nội dung văn bản của Tòa án. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị D vẫn vắng mặt. Anh K, ông Phục đề nghị giải quyết vắng mặt, hiện chị D là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, căn cứ Điều 10 Nghị quyết 01/2024 NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đăng K và chị Phạm Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ cũ nay là xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/11/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả anh chị đều đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau. Anh K xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, hôn nhân không còn hạnh phúc và làm đơn xin ly hôn chị D. Thông qua gia đình, bà Liên xác định chị D đã biết được việc anh K làm đơn xin ly hôn nhưng chị D không có ý kiến và văn bản gửi cho Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K, chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh K ly hôn chị D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình sống chung, anh chị có hai con chung là Phạm Ngọc L, sinh ngày 04/10/2010 và Phạm Ngọc Q, sinh ngày 14/06/2015. Từ khi anh chị đi lao động tại Đài Loan cả hai cháu ở với ông Phục. Để ổn định cuộc sống cho con và theo nguyện vọng của các con, khi ly hôn anh K đề nghị được nuôi cháu Quý, chị D nuôi cháu Lâm. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại chị D, anh K đang ở Đài Loan, cháu Quý có nguyện vọng ở với anh K, cháu Lâm có nguyện vọng ở với chị D nên cần giao cháu Quý cho anh K nuôi dưỡng, cháu Lâm cho chị D nuôi dưỡng. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp. Anh K ủy quyền cho ông Phục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Quý, cháu Lâm trong thời gian anh K, chị D không ở Việt Nam. Ông không yêu cầu anh chị phải đóng góp nuôi các cháu. Qua bà Liên, cháu Lâm có nguyện vọng ở với chị D, chị D sẽ nuôi dưỡng nhưng hiện tại chị D không có nhà nên ông Phục,

bà Liên đón cháu Lâm về chơi phải có trách nhiệm với nhà trường và cháu.

[2.3] Tài sản chung: Anh K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn anh K phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Phạm Đăng K ly hôn chị Phạm Thị D.

2. *Về con chung:* Giao con Phạm Ngọc Q, sinh ngày 14/06/2015 cho anh Phạm Đăng K chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con Phạm Ngọc L, sinh ngày 04/10/2010 cho chị Phạm Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao cho ông Phạm Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm, cháu Quý trong thời gian anh K, chị D không ở Việt Nam. Anh K, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh K, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Phạm Đăng K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự (Hôn nhân Gia đình) sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp, theo biên lai thu số 0002022 ngày 24/02/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Anh K đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Anh Phạm Đăng K, chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn P có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng
- Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Sơn, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đàm Nhân Trác